TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2024/DS - ST
Ngày: 11 – 7 – 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Phượng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Dung**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 173/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1960.

Bà **Chiêm Thị Ngọc P**, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1984 (HĐUQ ngày 17/10/2023).

Địa chỉ: Số B đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1972 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số A đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11/11/2021 ông Nguyễn Minh T1 có vay của ông Lê Văn H và bà Chiêm Thị Ngọc P số tiền 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*), thời hạn vay 06 tháng, lãi suất tự thỏa thuận. Việc vay tiền hai bên có lập hợp đồng vay tài sản và được công chứng tại Văn phòng C - huyện T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông T1 đã trả cho ông H và bà P nhiều lần với tổng số tiền đã trả là 250.000.000 đồng *(hai trăm năm mươi triệu đồng)*. Cụ thể: Ngày 22/6/2022 trả số tiền 150.000.000 đồng, ngày 19/9/2022 trả 50.000.000 đồng và ngày 30/9/2022 trả 50.000.000 đồng. Sáu đó ngưng trả cho đến nay. Các lần trả tiền nay do ông T1 trực tiếp trả hoặc ông T1 sai nhân viên đến trả. Hiện tại ông T1 còn nợ ông H và bà P số tiền 350.000.000 đồng.

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H và bà P khởi kiện yêu cầu ông T1 trả nợ gốc còn nợ là 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng*). Về lãi suất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

***Tại phiên toà hôm nay*:**

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Phía bị đơn ông Nguyễn Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, tại UBND phường H và tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhưng bị đơn ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý*: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn thể hiện bằng Hợp đồng cho vay tài sản, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi. Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và do bị đơn đang cư trú tại địa bàn quận N, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

3.1. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Chiêm Thị Ngọc P và bị đơn ông Nguyễn Minh T1 có giao dịch vay mượn thể hiện bằng "*Hợp đồng cho vay tài sản*", hợp đồng được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn B công chứng số 1598, quyển số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/11/2021 với số tiền cho vay là 600.000.000 đồng *(sáu trăm triệu đồng)*. Hợp đồng vay vừa nêu trên có công chứng hợp pháp nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và nguyên đơn đã xuất trình được bản chính của "*Hợp đồng cho vay tài sản"* ký ngày 11/11/2021. Đồng thời, nguyên đơn còn xuất trình thêm các chứng cứ khác là các biên nhận ngày 22/6/2022 trả số tiền 150.000.000 đồng, ngày 19/9/2022 trả 50.000.000 đồng và ngày 30/9/2022 trả số tiền 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cũng đã cung cấp được các chứng cứ gốc có liên quan đến việc bị đơn đã

trả một phần tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc 350.000.000 đồng *(ba trăm năm mươi triệu đồng)* là có căn cứ chấp nhận.

3.2. Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Mặc dù trong hợp đồng cho vay tài sản có ghi nhận về lãi suất vay nhưng do nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lãi suất.

Từ những phân tích vừa nêu trên, Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền nợ gốc phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 350.000.000 đồng, án phí tương ứng: 17.500.000 đồng *(mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Chiêm Thị Ngọc P được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Chiêm Thị Ngọc P đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T1.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Chiêm Thị Ngọc P số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 phải chịu 17.500.000 đồng *(mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Chiêm Thị Ngọc P được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét tạm ứng án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTPCT;*
- *VKSNDQNK;*
- *Chi cục THADSQNK;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phượng